

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2026/DS-PT

Ngày: 21-4-2026

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Anh Tuấn.

Ông Trương Nam Trung.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Hồng Vỹ - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 120/2026/QĐ-PT ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hữu B, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai (Theo Giấy ủy quyền ngày 30-6-2020). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy Đ; địa chỉ: 4 P, phường P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Quốc M; địa chỉ: H P, tổ G Hội T, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn C; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Lê Hữu H; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là ông Bé Nông L, bà Ngôn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Hữu B trình bày:

Năm 2006, ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quốc M 45.000m² đất rẫy trồng cà phê (cà phê trồng năm 1998) tại Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Khi nhận chuyển nhượng, hai bên cùng nhau đi xác định ranh giới tứ cận, ông M chỉ cho ông bà biết đất rẫy tới đâu, không đo đạc cụ thể. Vì khi đó xung quanh rẫy ngăn chia với các rẫy xung quanh là hàng cây muồng và mương nước, hiện ranh giới này vẫn ổn định đến bây giờ. Lúc đó đất rẫy của ông M cũng đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau nhận chuyển nhượng, ông bà sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không ai tranh chấp. Trên đất có cây cà phê do ông M trồng từ năm 1998, hiện nay vẫn còn trên đất. Ranh giới tứ cận vẫn ổn định cho đến nay, không bị biến động. Ông bà đã làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 538721 ngày 14-5-2007; thửa đất có tứ cận là: Phía Đông giáp rừng tràm có chiều dài 278m, phía Tây giáp suối có chiều dài 252m, phía Nam giáp đất ông T có chiều dài 150m, phía Bắc giáp đất ông Y có chiều dài 200m; diện tích đất là 45.000m². Phía Nam giáp đất ông T, sau đó ông bà thấy ông Nguyễn Văn S canh tác, có ranh giới là hàng cây muồng trồng năm 1998 và hiện nay hàng cây muồng vẫn còn.

Ngày 17-11-2007, ông bà đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn C 15.105m², còn lại 29.895m² đất. Ông bà canh tác được khoảng 2 năm sau thì thường xuyên đau ốm phải đi chữa trị. Sau đợt chữa trị, ông bà quay lại thì phát hiện ông Nguyễn Văn S lấn chiếm của ông bà 9 hàng cây cà phê, diện tích là 4.561m². Ông bà đã nhiều lần yêu cầu ông S phải trả lại diện tích đất lấn chiếm trên, nhưng ông S không trả. Ông bà đã khiếu nại lên Ủy ban nhân dân xã B. Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã C1 đã đo vẽ lại diện tích đất và xác định diện tích đất tranh chấp là 4.561m². Nay ông Nguyễn Văn S đã chết, ông bà biết anh Nguyễn Duy Đ là con trai ông S hiện đang canh tác trên diện tích đất tranh chấp.

Vì vậy ông bà làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Duy Đ phải trả lại cho ông bà quyền sử dụng đất là 4.561m² và tài sản trên đất là 9 hàng cây cà phê, trị giá khoảng 150.000.000 đồng.

2. Bị đơn là anh Nguyễn Duy Đ trình bày:

Năm 1998, cha của anh là ông Nguyễn Văn S và bác ruột của anh là ông Nguyễn Quốc M cùng nhau khai phá đất rẫy tại đồi la Dôr, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi khai phá thì tiến hành trồng cây cà phê. Giữa cha anh và ông M đã thỏa thuận chia lô để canh tác riêng. Lô đất của cha anh có diện tích khoảng 1,9ha. Cha của anh đã trồng cây muồng để chắn gió và xác định ranh giới với lô đất của ông M. Hai bên canh tác ổn định, không có tranh chấp gì với nhau. Đến năm 2006, ông M đã bán rẫy của mình cho ông L và bà N. Được một thời gian, ông L và bà N đã bán một phần đất giáp ranh với lô đất rẫy của cha anh cho người khác, anh không rõ tên và địa chỉ; sau đó, ông Lê Hữu H đã mua lại khoảng 10 năm nay. Năm 2012, cha của anh nói anh về làm rẫy, cha anh dẫn ra chỉ đất rẫy cho anh theo ranh giới tứ

cận, không có đo đạc cụ thể. Anh tiến hành đầu tư và canh tác ổn định theo đúng diện tích đất mà cha của anh chỉ và không có tranh chấp gì xảy ra.

Do cha của anh đã chết ngày 12-5-2019. Anh là người thừa kế duy nhất của ông S và anh vẫn canh tác trên lô đất mà cha của anh để lại, ngoài ra không có lô đất nào khác. Hiện tại đất đang trồng cây cà phê từ năm 1998. Lô đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường đất, phía Tây giáp suối, phía Nam giáp đất rẫy ông B1; phía Bắc giáp đất ông H; thửa đất có diện tích 18.753m², trong đó có cả diện tích đất mà ông L, bà N đang tranh chấp. Đất hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì anh đã canh tác đất rẫy ổn định từ năm 1998 cho đến nay, xung quanh đều có hàng cây, đường ranh giới rõ ràng theo đúng như cha của anh chỉ cho anh, anh không có lấn chiếm đất của ai. Nên ông L bà N khởi kiện cho rằng anh lấn chiếm đất của ông bà thì anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho anh.

3. Người làm chứng là ông Nguyễn Quốc M trình bày:

Năm 1998, ông có mua lô đất rẫy của ông Hoàng Văn P ở thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đến năm 2000, ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 954594 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25-9-2000 với diện tích 45.000m² đất, sau khi làm xong giấy chứng nhận ông P đã giao cho ông cất giữ. Khi nhận chuyển nhượng ông tiến hành trồng cây cà phê ổn định. Đến năm 2006, ông đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất trên cho bà Ngôn Thị N. Theo nội dung tại giấy thỏa thuận sang nhượng ngày 28-9-2006, về vị trí đất theo như giấy chứng nhận đã cấp. Do tình hình sức khỏe không ổn định và công việc gia đình nên ông không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Ông xin từ chối tham gia tố tụng, ông đã trình bày nội dung vụ việc trên và không có thay đổi gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

4. Người làm chứng là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Khoảng cuối năm 2007, ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông L, bà N 15.000m² đất rẫy cà phê, nhưng chỉ có 1300 cây cà phê vì trước đó người trước trồng cà phê rất thưa từ 3,15m đến 3,8m một cây. Khi mua thì chỉ đếm hàng cà phê rồi mua. Khi đó tới bây giờ không nhớ rõ là khoảng 22 hay 23 hàng theo đường mòn phía giáp với cao su còn phía dưới thì không nhớ cụ thể. Vì còn có hàng cụt sau đó thì diện tích được là 15.000m², có các cạnh như sau: Phía Đông giáp với hào cao su; phía Tây giáp với hồ nước; phía Nam giáp với rẫy cà phê của ông S; phía Bắc giáp phần rẫy cà phê còn lại của bà N, ông L. Ông mua rẫy cà phê của ông L, bà N được khoảng thời gian 3 năm thì ông sang nhượng lại cho ông Lê Hữu H và ông Lê Hữu H tự làm thủ tục chỉnh lý sang tên.

5. Người làm chứng là ông Lê Hữu H trình bày:

Trước đây ông có mua rẫy của ông C, bà N1; đất này là ông C bà N1 mua của ông L, bà N. Khi nhận đất thì đã có ranh giới rõ ràng, cách nhau hàng cây muồng, ông làm rẫy thì đã thấy ông S là cha của anh Đ làm trên mảnh đất này, bà N làm sát

bên. Hiện tại, ông vẫn sử dụng bình thường không tranh chấp với ai. Sự việc giữa bà N và ông S, anh Đ thế nào thì ông không biết.

6. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2025/DS-ST ngày 27-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 146, 147, 156, 164 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025.

Căn cứ các Điều 26, 200 và 236 Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ Điều 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là anh Nguyễn Duy Đ phải trả lại cho ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N quyền sử dụng thửa đất là 4980,8m² tại thôn Đ, xã B, tỉnh Gia Lai và tài sản trên đất là 415 cây cà phê (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03-9-2025).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

7. Kháng cáo:

Ngày 27-9-2025, nguyên đơn là ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 27-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

Bản án không bị kháng nghị, bị đơn không kháng cáo.

8. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm, người tham gia tố tụng bảo đảm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 27-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N:

[1.1] Về nguồn gốc thửa đất của ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N:

Ngày 28-9-2006, ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quốc M 45.000m² đất tại thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 954954 ngày 25-9-2000 cho người sử dụng đất là ông Hoàng Văn P. Ngày 02-01-2007, ông Hoàng Văn P và ông Bé Nông L, bà Ngôn Thị N ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 14-5-2007, ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 538721 đối với thửa đất số 00, tờ bản đồ số trích đo tại xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai; diện tích 45.000m² đất trồng cây lâu năm; thửa đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Y có chiều dài 200m, phía Tây giáp đất ông T có chiều dài 150m, phía Nam giáp đường đi có chiều dài 278m, phía Bắc giáp suối có chiều dài 252m. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, ông Nguyễn Quốc M và ông Bé Nông L, bà Ngôn Thị N đã cùng nhau xác định tứ cận và ranh giới của thửa đất, theo đó: Ranh giới phía Đ1 là mương nước và ranh giới phía Tây là hàng cây muồng; các bên giao nhận đất và không đo đạc cụ thể diện tích đất nhận chuyển nhượng. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N đã sử dụng ổn định và không tranh chấp đất với ai.

Ngày 17-11-2007, ông Bé Nông L, bà Ngôn Thị N chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C 15.105m² đất; thửa đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất còn lại của ông L bà N, phía Tây giáp đất ông T, phía Nam giáp đường đi, phía Bắc giáp suối. Khi chuyển nhượng, hai bên chỉ đếm hàng cây cà phê rồi xác định ranh giới, giao nhận đất và không có đo đạc diện tích cụ thể. Sau đó, ông Nguyễn Văn C chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất cho ông Lê Hữu H; hiện nay, ông Lê Hữu H đang quản lý, sử dụng phần đất này.

[1.2] Về nguồn gốc thửa đất của anh Nguyễn Duy Đ:

Năm 1998, cha và bác ruột của anh Nguyễn Duy Đ là ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Quốc M cùng nhau khai phá đất rẫy tại đồi la Dôr, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi khai phá thì tiến hành trồng cây cà phê, ông S và ông M đã thỏa thuận chia lô để canh tác riêng; lô đất của ông S có diện tích khoảng 1,9ha. Ông S đã trồng hàng cây muồng để chắn gió và xác định ranh giới với lô đất của ông M. Từ năm 1998, hai bên canh tác ổn định và không tranh chấp với nhau. Từ năm 2012 đến nay, ông S đã giao cho anh Nguyễn Duy Đ tiếp tục sử dụng, quản lý 1,9ha đất nói trên. Thửa đất anh Đ đang sử dụng có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông H, phía Tây giáp đất ông B1, phía Nam giáp đường đất, phía Bắc giáp suối; thửa đất có diện tích 19.097,1m² (bao gồm cả diện tích đất mà ông L, bà N đang tranh chấp). Đến nay, anh Nguyễn Duy Đ chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

[1.3] Về diện tích đất tranh chấp:

Năm 2008, ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N phát hiện ông Nguyễn Văn S lấn chiếm của ông bà 9 hàng cây cà phê, diện tích là 4.561m². Ông bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Nguyễn Văn S không trả lại diện tích đất lấn chiếm.

Theo kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 03-9-2025, xác định diện tích đất đang tranh chấp là 4.980,8m²; phần đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông

Bé Nông L, bà Ngôn Thị N đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C (hiện nay ông Lê Hữu H đang sử dụng) có chiều dài 162,58m; phía Tây giáp đất anh Nguyễn Duy Đ đang sử dụng có chiều dài 128,74m; phía Nam giáp đường đi có chiều dài 30,83m; phía Bắc giáp suối có chiều dài 34,4m. Trên phần diện tích đất đang tranh chấp có 415 cây cà phê già cỗi, năng suất kém, trồng năm 1998. Hiện nay, anh Nguyễn Duy Đ đang sử dụng phần đất tranh chấp và quản lý, chăm sóc 415 cây cà phê trên đất. Vì vậy, ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Duy Đ phải trả lại cho ông bà 4.980,8m² đất và 415 cây cà phê tại Thôn Đ, xã B, tỉnh Gia Lai.

Anh Nguyễn Duy Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bé Nông L và bà Ngôn Thị N vì đất rẫy của cha anh đã canh tác ổn định từ năm 1998 cho đến nay; xung quanh đều có hàng cây muồng, đường ranh giới rõ ràng, ổn định và không có sự thay đổi, xê dịch.

[1.4] Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N được quyền sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Quốc M và không có khai hoang, khai phá thêm bất cứ diện tích đất nào. Khi nhận chuyển nhượng, ông Nguyễn Quốc M và ông Bé Nông L, bà Ngôn Thị N đã giao nhận đất và xác định ranh giới phía Tây của thửa đất nhận chuyển nhượng là hàng cây muồng do ông Nguyễn Văn S trồng; các bên sử dụng đất ổn định và không phát sinh tranh chấp. Sau đó, ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C (ông Nguyễn Văn C chuyển nhượng lại cho ông Lê Hữu H) phần đất tiếp giáp với thửa đất của ông Nguyễn Văn S (nay là anh Nguyễn Duy Đ) đang quản lý, sử dụng.

Quá trình sử dụng đất, ranh giới sử dụng đất giữa anh Nguyễn Duy Đ và ông Lê Hữu H là hàng cây muồng được trồng năm 1998, hiện nay hàng cây muồng vẫn còn; như vậy, từ năm 1998 đến nay, ranh giới giữa hai thửa đất được xác định rõ ràng, ổn định, không thay đổi và không phát sinh tranh chấp.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N về việc buộc anh Nguyễn Duy Đ phải trả lại quyền sử dụng của 4980,8m² đất và 415 cây cà phê trên đất tại thôn Đ, xã B, tỉnh Gia Lai là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[1.5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo biên bản ghi nhận sự thỏa thuận về giá của các đương sự ngày 03-9-2025 thì giá trị tài sản tranh chấp là 218.708.000 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 174.328.000 đồng và giá trị 415 cây cà phê là 71.380.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N phải chịu 3.869.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1.6] Về chi phí tố tụng:

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ 7.000.000 đồng này.

[1.7] Từ những nhận định nói trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 221 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 26 và 236 Luật đất đai năm 2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003089 ngày 09-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; ông Bé Nông L và bà Ngôn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 8 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thanh Huyền

